Bộ môn KTMT	**ĐỀ THI XỬ LÝ TÍN HIỆU SỐ** *Thời gian 90 phút. Không sử dụng tài liệu và thiết bị nghe nhìn. Sinh viên đề nghị cán bộ coi thi và ký vào bài làm đề A hoặc B. Nếu không bài thi sẽ không điểm. Nộp lại đề cùng bài làm.*	B

<u>Câu 1</u>: a) Có 3 hệ mắc nối tiếp nhau và đáp ứng xung lần lượt của 3 hệ là $h_1(n) = h(n), h_2(n) = u(n), h_3(n) = \delta(n) - \delta(n-1)$. Không dùng biến đổi Z, hãy tính toán trong miền thời gian để xác định đáp ứng xung của toàn hệ $h_t(n)$.

b) Cho $x(n) = \left(\frac{1}{3}\right)^n u(n+3)$. Hãy tính $X(e^{j\omega})$.

<u>Câu 2</u>: Cho hàm truyền đạt của 2 bộ lọc như sau:

$$H_1(z) = \frac{1-b}{2}.\frac{1+z^{-1}}{1-bz^{-1}}, H_2(z) = \frac{1-b}{1-bz^{-1}}$$

a) Hãy tính $\left|H_1(e^{j\omega})\right|^2, \left|H_2(e^{j\omega})\right|^2$.

b) Giả thiết $b = 0{,}7$ và $\left|H_1(e^{j\omega_1})\right|^2 = \left|H_2(e^{j\omega_2})\right|^2 = \frac{1}{2}$. Tính ω_1 và ω_2. Nếu $\omega_1 > \omega_2$ ta nói rằng bộ lọc thứ nhất có dải thông lớn hơn bộ lọc thứ hai, còn nếu $\omega_1 < \omega_2$ thì bộ lọc thứ hai có dải thông lớn hơn. Vậy so sánh dải thông của 2 bộ lọc trong trường hợp này như thế nào?

<u>Câu 3</u>: Cho PT-SP $y(n) = by(n-1) + x(n)$ với $b = e^{j\omega_0}$. Giả thiết $x(n)$ là thực. Như vậy $y(n)$ sẽ là phức và được biểu diễn theo phần thực và phần ảo như sau: $y(n) = y_R(n) + jy_I(n)$.

a) Xác định phương trình mô tả hệ với một đầu vào $x(n)$ và 2 đầu ra $y_R(n)$ và $y_I(n)$.

b) Vẽ sơ đồ khối thực hiện hệ.

c) Chứng minh rằng nếu $x(n) = \delta(n)$ thì $y_R(n) = (\cos \omega_0 n)u(n), y_I(n) = (\sin \omega_0 n)u(n)$

d) Hệ này có thể được sử dụng để làm gì?

<u>Câu 4</u>: Cho PT-SP $y(n) = x(n) + x(n-4)$

a) Xác định và vẽ đáp ứng biên độ của hệ

b) Tính tín hiệu ra $y(n)$ nếu $x(n) = \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right), -\infty < n < \infty$

<u>Câu 5</u>: Xét bộ lọc có quan hệ vào-ra $y(n) = -0{,}9y(n-1) + 0{,}1x(n)$

a) Xác định tần số ω sao cho $\left|H(e^{j\omega})\right| = 1/\sqrt{2}$

b) Đây là bộ lọc thông thấp hay thông cao? Vì sao?

HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1:

a) Do 3 hệ mắc nối tiếp nhau nên đáp ứng xung toàn hệ là:

$$h_t(n) = h_1(n) * h_2(n) * h_3(n) = h_1(n) * [h_2(n) * h_3(n)]$$

Ta có:

$$h_2(n) * h_3(n) = \sum_{k=-\infty}^{+\infty} h_3(k).h_2(n-k)$$

Do $h_3(k) = \delta(n) - \delta(n-1) = \begin{cases} 1, & n = 0 \\ -1, & n = 1 \\ 0, & n \text{ còn lại} \end{cases}$, nên ta có:

$$h_2(n) * h_3(n) = h_3(0).h_2(n-0) + h_3(1).h_2(n-1) = h_2(n) - h_2(n-1) = u(n) - u(n-1)$$

Lại vì $u(n) = \begin{cases} 1, & n \geq 0 \\ 0, & n < 0 \end{cases}$; $u(n-1) = \begin{cases} 1, & n \geq 1 \\ 0, & n < 1 \end{cases}$ nên ta có:

$$h_2(n) * h_3(n) = \begin{cases} 1, & n = 0 \\ 0, & n \neq 0 \end{cases} = \delta(n)$$

Vì vậy: $h_t(n) = h_1(n) * \delta(n) = h_1(n) = h(n)$

Kết luận: đáp ứng xung toàn hệ là $h_t(n) = h(n)$

b) Ta có $x(n) = \left(\frac{1}{3}\right)^n u(n+3)$.

Vì $u(n+3) = \begin{cases} 1, & n \geq -3 \\ 0, & n < -3 \end{cases}$ nên $x(n) = \begin{cases} \left(\frac{1}{3}\right)^n, & n \geq 3 \\ 0, & n < 3 \end{cases}$

Từ đây có biến đổi Fourier của tín hiệu *x(n)* là:

$$X(e^{j\omega}) = \sum_{n=-\infty}^{+\infty} x(n)e^{-j\omega n} = \sum_{n=-3}^{+\infty} \left(\frac{1}{3}\right)^n e^{-j\omega n} = \sum_{n=-3}^{+\infty} \left(\frac{1}{3}e^{-j\omega}\right)^n \qquad (*)$$

Do $\left|\frac{1}{3}e^{-j\omega}\right| = \frac{1}{3} < 1$ nên chuỗi (*) hội tụ, vì thế tồn tại biến đổi Fourier.

Ta có:

$$\sum_{n=-3}^{+\infty} \left(\frac{1}{3}e^{-j\omega}\right)^n = \frac{\left(\frac{1}{3}e^{-j\omega}\right)^{-3}}{1 - \frac{1}{3}e^{-j\omega}} = \frac{27e^{j3\omega}}{1 - \frac{1}{3}e^{-j\omega}}$$

Kết luận:

$$\boldsymbol{X(e^{j\omega}) = \frac{27e^{j3\omega}}{1 - \frac{1}{3}e^{-j\omega}}}$$

Câu 2:

a) Ta có:

$$H_1(z) = \frac{1-b}{2}.\frac{1+z^{-1}}{1-bz^{-1}}, H_2(z) = \frac{1-b}{1-bz^{-1}}$$

Suy ra:

$$H_1(e^{j\omega}) = H_1(z)|_{z=e^{j\omega}} = \frac{1-b}{2}.\frac{1+e^{-j\omega}}{1-be^{-j\omega}},$$

$$H_2(e^{j\omega}) = H_2(z)|_{z=e^{j\omega}} = \frac{1-b}{1-be^{-j\omega}}$$

Từ đây có:

$$|H_1(e^{j\omega})| = \left|\frac{1-b}{2}.\frac{1+e^{-j\omega}}{1-be^{-j\omega}}\right| = \frac{|1-b|}{2}.\frac{|1+e^{-j\omega}|}{|1-be^{-j\omega}|}$$

$$|H_2(e^{j\omega})| = \left|\frac{1-b}{1-be^{-j\omega}}\right| = \frac{|1-b|}{|1-be^{-j\omega}|}$$

Ta có:

$$1 + e^{-j\omega} = 1 + \cos\omega - j\sin\omega$$

$$\Rightarrow |1 + e^{-j\omega}| = \sqrt{(1+\cos\omega)^2 + (-\sin\omega)^2} = \sqrt{2 + 2\cos\omega}$$

$$1 - be^{-j\omega} = 1 - b(\cos\omega - j\sin\omega) = 1 - b\cos\omega + jb\sin\omega$$

$$\Rightarrow |1 - be^{-j\omega}| = \sqrt{(1 - b\cos\omega)^2 + (b\sin\omega)^2} = \sqrt{1 + b^2 - 2b\cos\omega}$$

Vì thế:

$$|H_1(e^{j\omega})| = \frac{|1-b|}{2}.\frac{\sqrt{2+2\cos\omega}}{\sqrt{1+b^2-2b\cos\omega}}$$

$$\Rightarrow \boldsymbol{|H_1(e^{j\omega})|^2 = \frac{(1-b)^2}{4}.\frac{2+2\cos\omega}{1+b^2-2b\cos\omega} = \frac{(1-b)^2(1+\cos\omega)}{2(1+b^2-2b\cos\omega)}}$$

$$|H_2(e^{j\omega})| = \frac{|1-b|}{\sqrt{1+b^2-2b\cos\omega}}$$

$$\Rightarrow \boldsymbol{|H_2(e^{j\omega})|^2 = \frac{(1-b)^2}{1+b^2-2b\cos\omega}}$$

b) Với $b = 0{,}7$; $|H_1(e^{j\omega_1})|^2 = |H_2(e^{j\omega_2})|^2 = \frac{1}{2}$, ta có:

$$\begin{cases} \dfrac{(1-0{,}7)^2(1+\cos\omega_1)}{2(1+0{,}7^2-1{,}4\cos\omega_1)} = \dfrac{1}{2} \\ \dfrac{(1-0{,}7)^2}{1+0{,}7^2-1{,}4\cos\omega_2} = \dfrac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \dfrac{1+\cos\omega_1}{1{,}49-1{,}4\cos\omega_1} = \dfrac{1}{0{,}09} \\ 1{,}49-1{,}4\cos\omega_2 = 0{,}18 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \cos\omega_1 = \dfrac{140}{149} \\ \cos\omega_2 = \dfrac{131}{140} \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \omega_1 \approx 0{,}3493 + k2\pi \\ \omega_2 \approx 0{,}3605 + k2\pi \end{cases} \quad (k \in Z)$$

Ta chỉ xét trong đoạn $[0; 2\pi]$, do đó $\omega_1 \approx 0{,}3493$; $\omega_2 \approx 0{,}3605$. Dễ thấy $\omega_1 < \omega_2$

Kết luận: Bộ lọc thứ hai có dải thông lớn hơn.

Câu 3:

a) Ta có: $y(n) = by(n-1) + x(n)$; $b = e^{-j\omega_0}$, do đó:

$$y(n) = e^{-j\omega_0}y(n-1) + x(n)$$

Theo công thức Euler: $e^{-j\omega_0} = \cos\omega_0 - j\sin\omega_0$, nên:

$$y(n) = (\cos\omega_0 - j\sin\omega_0)y(n-1) + x(n) = x(n) + \cos\omega_0\, y(n-1) - j\sin\omega_0\, y(n-1)$$

Từ đây ta có: $y(n) = y_R(n) + jy_I(n)$ với

$$\begin{cases} y_R(n) = x(n) + \cos\omega_0\, y(n-1) \\ y_I(n) = -\sin\omega_0\, y(n-1) \end{cases}$$

b) Vẽ sơ đồ khối thực hiện hệ

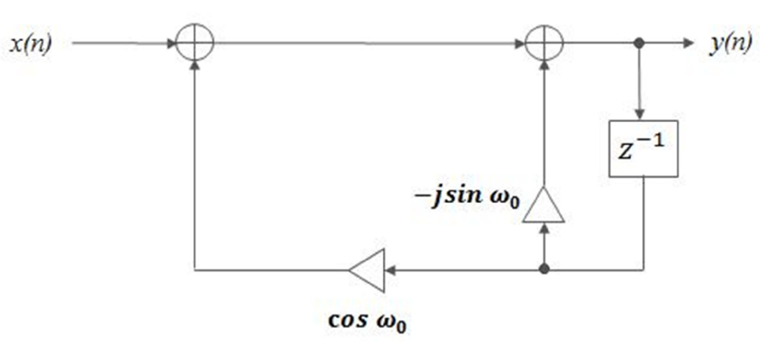

c) Chứng minh …

d) Hệ này được dùng để:

Câu 4: PT-SP: $y(n) = x(n) + x(n-4)$

a) Thực hiện biến đổi Fourier cả 2 vế của PT-SP ta được:

$$Y(e^{j\omega}) = X(e^{j\omega}) + e^{-j4\omega}X(e^{j\omega})$$

$$\Rightarrow Y(e^{j\omega}) = X(e^{j\omega})(1 + e^{-j4\omega})$$

Đáp ứng tần số:

$$H(e^{j\omega}) = \frac{Y(e^{j\omega})}{X(e^{j\omega})} = 1 + e^{-j4\omega} = e^{-j2\omega}(e^{j2\omega} + e^{-j2\omega}) = 2\cos(2\omega)\, e^{-j2\omega}$$

Từ đây suy ra đáp ứng biên độ: $\boldsymbol{|H(e^{j\omega})| = 2|\cos(2\omega)|}$

Vẽ đáp ứng biên độ: <tự vẽ>

b) Ta có:

$$x(n) = \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right)$$

Mà theo giả thiết: $y(n) = x(n) + x(n-4)$, do đó tín hiệu ra y(n) là:

$$y(n) = \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right) + \cos\left(\frac{\pi}{2}(n-4) + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}(n-4)\right)$$

$$= \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right) + \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7} - 2\pi\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n - \pi\right)$$

$$= \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) + \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right) + \cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right) - \cos\left(\frac{\pi}{4}n\right) = 2\cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right)$$

Kết luận: Tín hiệu ra *y(n)* là:

$$\boldsymbol{y(n) = 2\cos\left(\frac{\pi}{2}n + \frac{\pi}{7}\right)}$$

Câu 5: Bộ lọc có quan hệ vào-ra: $y(n) = -0{,}9y(n-1) + 0{,}1x(n)$

a) Thực hiện biến đổi Fourier cả 2 vế của phương trình sai phân:

$$Y(e^{j\omega}) = -0{,}9e^{-j\omega}Y(e^{j\omega}) + 0{,}1X(e^{j\omega})$$

$$\Rightarrow Y(e^{j\omega})(1 + 0{,}9e^{-j\omega}) = 0{,}1X(e^{j\omega})$$

Đáp ứng tần số:

$$H(e^{j\omega}) = \frac{Y(e^{j\omega})}{X(e^{j\omega})} = \frac{0{,}1}{1 + 0{,}9e^{-j\omega}}$$

Đáp ứng biên độ:

$$|H(e^{j\omega})| = \frac{0{,}1}{|1 + 0{,}9e^{-j\omega}|} = \frac{0{,}1}{\sqrt{1 + 0{,}9^2 + 1{,}8\cos\omega}} = \frac{0{,}1}{\sqrt{1{,}81 + 1{,}8cos\omega}}$$

Để $|H(e^{j\omega})| = 1/\sqrt{2}$ thì:

$$\frac{0{,}1}{\sqrt{1{,}81 + 1{,}8cos\omega}} = \frac{1}{\sqrt{2}} \Leftrightarrow 181 + 180\cos\omega = 2 \Leftrightarrow \cos\omega = -\frac{179}{180}$$

$$\Leftrightarrow \boldsymbol{\omega \approx 3{,}0\ 36\ 13 + k2\pi \quad (k \in Z)}$$

b) Xác định tính chất bộ lọc

Vẽ đáp ứng biên độ:

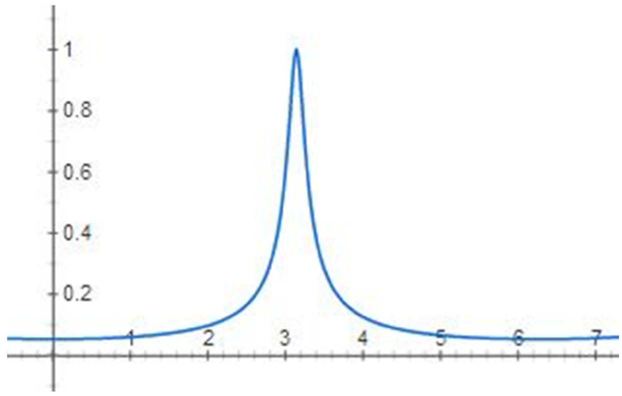

Theo định lí Shannon: $f_{Max} \le \frac{F_s}{2}$, với F_s là tần số lấy mẫu, suy ra: $\omega_{Max} \le \frac{\omega_s}{2} = \frac{2\pi}{2} = \pi$

Do đó ta chỉ xét đáp ứng biên độ trong đoạn $[0; \pi]$

Dễ dàng thấy được từ 0 đến pi thì đáp ứng biên độ tăng, nên đây là bộ lọc thông cao

Kết luận: Bộ lọc thông cao